TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Huy Mân.**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh.**

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Minh T, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng, cưới nhau vào năm 2004 thông qua mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại xã M được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 05/2022. Nguyên nhân, chị đi Đài Loan làm việc 05 tháng trở về thì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T1 không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, xúc phạm chị và gia đình chị. Vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không hàn gắn được và đã ly thân từ tháng 06/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15/01/2005 và Nguyễn Thị Như L, sinh ngày 21/7/2011. Cháu H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như L, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Chị và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian cưới nhau, thời gian đăng ký kết hôn, và thời gian ly thân, anh có nhậu nhưng ít, khi có công việc anh mới nhậu, anh có chửi chị T nhưng do anh sỉn anh chửi thề chứ không có ý xúc phạm chị T và gia đình chị T. Nay, anh còn thương vợ, thương con, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, nên không đồng ý ly hôn với chị T,

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15/01/2005 và Nguyễn Thị Như L, sinh ngày 21/7/2011. Cháu H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh đồng ý giao cháu Như L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Minh T và anh Nguyễn Văn T1 cưới nhau và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh T1 sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T1 ghen tuông, thường xuyên xúc phạm chị, không quan tâm chăm sóc chị, vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là do anh say sỉn. Từ sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, anh T1 đã cố gắng hàn gắn, đoàn tụ với chị T nhưng không được. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn đến nay trong những lúc nhậu say anh mới tìm gặp chị T và cũng trong cơn say anh nhắn tin, điện thoại xúc phạm chị T. Điều này chứng tỏ anh T1 chưa thật sự thay đổi, chưa có biện pháp thiết thực để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 15/01/2005 và Nguyễn Thị Như L, sinh ngày 21/7/2011. Cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động được, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Như L, anh T1 đồng ý giao cháu Như Ý cho chị T nuôi dưỡng như nguyện vọng của cháu L nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu Như L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Chị T chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về Tài sản chung: Chị T và T1 thống nhất không có.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Như L, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Lê Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T1 chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về Tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017020 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Lê Thị Minh T đã thi hành xong phần án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Kim Loan